TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHƯỚC LONG** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2025/DS-ST
Ngày 24/01/2025
V/v tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Quách Thanh Tồn
Các Hội thẩm nhân dân:
1/. Ông Trần Thanh Tuấn;
2/. Ông Trần Văn Phước.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Diễm Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên toà*: Ông Võ Minh Trí - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý: 255/2024/TLST-DS, ngày 25 tháng 10 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 444/2024/QĐST- DS ngày 23 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2025/QĐST-DS ngày 08/01/2025 giữa:

1/. Nguyên đơn: Công ty cổ phần S TIỀN CÓ NGAY;

Địa chỉ: số A, đường N, Phường B, Thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông KANOKWATPAISAL NAPAT, chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Văn L, sinh năm 1984.

Địa chỉ: số A, đường T, Khóm B, Phường G, Thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

2/. Bị đơn: Anh Trương Thành L1, sinh năm 1983.
Địa chỉ: ấp N, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.
Ông L có đơn xin vắng mặt; anh L1 vắng mặt lần thứ 2 tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn, ông Huỳnh Văn L trình bày: Theo hợp đồng cầm cố tài sản số HZM230801004NA23X ngày 22 tháng 8 năm 2023

thì anh Trương Thành L1 có cầm cố cho Công ty cổ phần S có ngay 01 chiếc xe mô tô hai bánh biển số 94H1-570.09, nhản hiệu HonDa Vision. Màu xám - đen, số khung RLHJK0358PY015105, số máy JK03E8139296, số giấy chứng nhận đăng ký xe 009536 do Công an tỉnh B cấp ngày 16 tháng 3 năm 2023; để lấy số tiền gốc 25.300.000 đồng, thời hạn cầm cố là 12 tháng , mục đích cầm cố để lấy tiền phục vụ tiêu dùng cá nhân, ngày giải ngân là ngày 22 tháng 8 năm 2023, lãi suất trong hạn là 1,1%/ 1 tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, phí quản lý hồ sơ là 0,5%/ 1 tháng, phí vi phạm không quá 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng, ngày thanh toán là 22 tây hàng tháng. Do nhu cầu đi lại, phục vụ cho công việc nên ngày 22 tháng 8 năm 2023 anh L1 có đơn gửi Công ty X mượn lại chiếc xe đã cầm cố và có cam kết phí bảo dưỡng hao mòn xe khi mượn tài sản là 759.000 đồng/ 1 tháng, khách hàng thanh toán đúng hạn theo hợp đồng số tiền 506.000 đồng/ 1 tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng, anh L1 đã thanh toán được số tiền 2.840.000 đồng, anh L1 đã vi phạm hợp đồng từ ngày 22 tháng 10 năm 2023 đến ngày 05 tháng 7 năm 2024 là 257 ngày. Nay Công ty cổ phần S có ngay yêu cầu cá nhân anh Trương Thành L1 phải có nghĩa vụ trả lại chiếc xe mô tô theo giấy mượn xe ký ngày 22 tháng 8 năm 2023. Trường hợp anh L1 không trả lại chiếc xe thì yêu cầu anh L1 trả tiền gốc, tiền lãi và tiền phí tổng cộng là 44.485.480 đồng.

Bị đơn anh Trương Thành L1 đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt nên không có lời khai.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, của đương sự là đúng theo trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự; Riêng bị đơn anh L1 chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật, việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu còn trễ hạn. Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ yêu cầu của Công ty cổ phần S có ngay về việc yêu cầu anh L1 giao trả cho Công ty chiếc xe mô tô theo giấy mượn xe ngày ngày 22/8/2023 và rút yêu cầu trả số tiền là 18.912.373 đồng (Trong đó, tiền lãi quá hạn là 1.101.154 đồng, phí bảo dưỡng và hao mòn khi mượn xe là 7.585.783 đồng, phía quản lý hồ sơ là 1.001.049 đồng, phí trả chậm là 3.777.923 đồng, phí vi phạm nghĩa vụ thanh toán là 1.869.664 đồng, phí tất toán hợp đồng trước thời hạn là 160.805 đồng, chi phí tố tụng là 3.415.994 đồng). Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S có ngay. Buộc anh Trương Thành L1 có nghĩa vụ trả cho Công ty cổ phần S có ngay số tiền tạm tính đến ngày 04/7/2024 là 25.573.108 đồng (Trong đó, tiền gốc 23.370.800 đồng, tiền lãi trong hạn là 2.202.308 đồng) và lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký kết, kể từ ngày 05/7/2024 cho đến khi thanh toán dứt nợ. Án phí: Bị đơn phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty cổ phần S có ngay khởi kiện anh Trương Thành L1 về Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản tại Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu. Anh L1 có địa chỉ cư trú tại ấp N, thị trấn P, huyện P nên căn cứ vào quy định tại Điều 35; Điều 36 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên

thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phước Long. Ông L có đơn xin vắng mặt, anh L1 vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa không có lý do, nên việc xét xử vắng mặt ông L và anh L1 là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S có ngay đối với anh Trương Thành L1: Tại đơn khởi kiện ngày 05/7/2024, Công ty cổ phần S tiền có ngay yêu cầu anh Trương Thành L1 có nghĩa vụ trả số tiền tạm tính đến ngày 04/7/2024 là 44.485.481 đồng (Trong đó, tiền gốc 23.370.800 đồng, tiền lãi trong hạn là 2.202.308 đồng, tiền lãi quá hạn là 1.101.154 đồng, phí bảo dưỡng và hao mòn khi mượn xe là 7.585.783 đồng, phía quản lý hồ sơ là 1.001.049 đồng, phí trả chậm là 3.777.923 đồng, phí vi phạm nghĩa vụ thanh toán là 1.869.664 đồng, phí tất toán hợp đồng trước thời hạn là 160.805 đồng, chi phí tố tụng là 3.415.994 đồng) và lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký kết, kể từ ngày 05/7/2024 cho đến khi thanh toán dứt nợ. Ngoài ra, Công ty yêu cầu anh L1 giao trả cho Công ty chiếc xe mô tô theo giấy mượn xe ngày 22/8/2023.

[3.1] Ngày 22/11/2024, người đại diện theo ủy quyền của Công ty là ông Huỳnh Văn L có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, Công ty không yêu cầu anh L1 giao trả cho Công ty chiếc xe mô tô theo giấy mượn xe ngày 22/8/2023 và rút yêu cầu đối với số tiền là 18.912.373 đồng (Trong đó, tiền lãi quá hạn là 1.101.154 đồng, phí bảo dưỡng và hao mòn khi mượn xe là 7.585.783 đồng, phía quản lý hồ sơ là 1.001.049 đồng, phí trả chậm là 3.777.923 đồng, phí vi phạm nghĩa vụ thanh toán là 1.869.664 đồng, phí tất toán hợp đồng trước thời hạn là 160.805 đồng, chi phí tố tụng là 3.415.994 đồng). Xét thấy, việc Công ty cổ phần S có ngay rút một phần yêu cầu khởi kiện nêu trên là hoàn toàn tự nguyện, đúng theo quy định của pháp luật nên được chấp nhận, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự, tuyên bố đình chỉ yêu cầu của Công ty cổ phần S có ngay về việc yêu cầu anh L1 giao trả cho Công ty chiếc xe mô tô theo giấy mượn xe ngày ngày 22/8/2023 và yêu cầu trả đối với số tiền là 18.912.373 đồng (Trong đó, tiền lãi quá hạn là 1.101.154 đồng, phí bảo dưỡng và hao mòn khi mượn xe là 7.585.783 đồng, phía quản lý hồ sơ là 1.001.049 đồng, phí trả chậm là 3.777.923 đồng, phí vi phạm nghĩa vụ thanh toán là 1.869.664 đồng, phí tất toán hợp đồng trước thời hạn là 160.805 đồng, chi phí tố tụng là 3.415.994 đồng).

[3.2] Hiện tại Công ty cổ phần S có ngay chỉ còn yêu cầu anh L1 trả số tiền tạm tính đến ngày 04/7/2024 là 25.573.108 đồng (Trong đó, tiền gốc 23.370.800 đồng, tiền lãi trong hạn là 2.202.308 đồng) và lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký kết, kể từ ngày 05/7/2024 cho đến khi thanh toán dứt nợ.
Xét thấy, Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết, anh L1 được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng đến Tòa án theo giấy triệu tập, không cung cấp văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp, có cơ sở để xác định vào ngày 22/8/2023, giữa Công ty cổ phần S có ngay và anh Trương Thành L1 có ký kết hợp đồng cầm cố số HZM230801004NA23X tại Chi nhánh số 4 Bạc Liêu, thể hiện anh L1 cầm cố 01 xe máy biển kiểm soát 94E1 – 570.09, loại xe Honda Vision, màu xám

đen, số khung RLHJK0358PY015105, số máy JK03E8139296, giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 009536, do Công an tỉnh B cấp ngày 16/3/2023. Cầm cố với số tiền 25.300.000 đồng, thời hạn cầm cố 12 tháng (từ 22/8/2023 – 22/8/2024), lãi suất là 1,1%/tháng. Cầm cố với số tiền 25.300.000 đồng, thời hạn cầm cố 12 tháng (từ ngày 22/8/2023– 22/8/2024), lãi suất là 1,1%/tháng (13,2%/năm). Công ty cổ phần S có ngay giải ngân vào ngày 22/8/2023 bằng hình thức chuyển khoản một lần qua tài khoản ngân hàng N, chi nhánh huyện P, tên chủ tài khoản là anh Trương Thành L1, số tài khoản 202555994. Đồng thời cùng ngày, Công ty có cho anh L1 mượn lại xe để sử dụng, thời hạn mượn xe 30 ngày từ 22/8/2023– 22/9/2023, địa điểm trả xe tại Chi nhánh B– Công ty TNHH S1. Hợp đồng cầm cố được hai bên ký kết trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận và phù hợp với quy định tại Điều 309, 310 Bộ luật dân sự 2015, lãi suất các bên thỏa thuận phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Vì vậy, hợp đồng cầm cố có giá trị pháp lý kể từ thời điểm xác lập. Quá trình thực hiện hợp đồng cầm cố tài sản, hợp đồng mượn xe, anh L1 không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền cầm cố và cũng không trả lại tài sản cầm cố cho Công ty. Từ đó, Công ty cổ phần S có ngay khởi kiện yêu cầu anh L1 trả tiền là có căn cứ để chấp nhận.

[3.3] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S có ngay. Buộc anh Trương Thành L1 có nghĩa vụ trả cho Công ty cổ phần S có ngay số tiền tạm tính đến ngày 04/7/2024 là 25.573.108 đồng (Trong đó, tiền gốc 23.370.800 đồng, tiền lãi trong hạn là 2.202.308 đồng) và lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký kết, kể từ ngày 05/7/2024 cho đến khi thanh toán dứt nợ.

[5] Về án phí xét xử dân sự sơ thẩm: buộc anh L1 phải chịu theo quy định pháp luật.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26; 35; 39, Điều 92, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 280, 309, 310, 311, 316, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q.

Tuyên xử:

1/. Đình chỉ việc giải quyết vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S có ngay đòi anh Trương Thành L1 giao trả cho Công ty chiếc xe mô tô theo giấy mượn xe ngày ngày 22/8/2023 và yêu cầu trả đối với số tiền là 18.912.373 đồng (Trong đó, tiền lãi quá hạn là 1.101.154 đồng, phí bảo dưỡng và hao mòn khi mượn xe là 7.585.783 đồng, phía quản lý hồ sơ là 1.001.049 đồng, phí trả chậm là

3.777.923 đồng, phí vi phạm nghĩa vụ thanh toán là 1.869.664 đồng, phí tất toán hợp đồng trước thời hạn là 160.805 đồng, chi phí tố tụng là 3.415.994 đồng).

2/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S có ngay đòi anh Trương Thành L1 có nghĩa vụ trả cho Công ty cổ phần S có ngay số tiền tạm tính đến ngày 04/7/2024 là 25.573.108 đồng (Trong đó, tiền gốc 23.370.800 đồng, tiền lãi trong hạn là 2.202.308 đồng) và lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký kết, kể từ ngày 05/7/2024 cho đến khi thanh toán dứt nợ.

Buộc anh Trương Thành L1 có nghĩa vụ trả cho Công ty cổ phần S có ngay số tiền tạm tính đến ngày 04/7/2024 là 25 .573.108 đồng (Trong đó, tiền gốc 23.370.800 đồng, tiền lãi trong hạn là 2.202.308 đồng) và lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký kết, kể từ ngày 05/7/2024 cho đến khi thanh toán dứt nợ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3/ Về án phí xét xử dân sự có giá ngạch: Buộc anh Trương Thành L1 phải nộp án phí có giá ngạch 5% trên số tiền có nghĩa vụ trả nợ là 1.278.655 đồng; Công ty cổ phần S có ngay đã tạm ứng số tiền 1.112.000 đồng theo biên lai số 0007074 ngày 22/10/2024 sẽ được hoàn lại tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phước Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án theo Điều 6, quyền nghĩa vụ theo các Điều 7, 7a và 7b; tự nguyện thi hành án, hoặc cưỡng chế thi hành án theo Điều 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai vắng mặt các đương sự, báo cho các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết hợp lệ bản án theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Quách Thanh T